TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 30/3/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tàu và bà Nguyễn Thị Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: bà Cao Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A, chi nhánh Phú Yên. Trụ sở chính: xyz, phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Tấn V– Giám đốc chi nhánh Phú Yên. Địa chỉ: abc, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên (theo quyết định số 399.QĐ-DAB-PC ngày 02/4/2019).

Ông V ủy quyền lại cho ông Tạ Phạm Kim S (Giấy ủy quyền số 10/2022/GUQ-LBP.PY ngày 05/9/2022 – ông S có mặt).

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 và ông Bùi C, sinh năm 1968. Địa chỉ: khu phố P1, phường HHT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Bà H có mặt, ông Chận vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2022, các tài liệu có tại hồ sơ, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/11/2019, bà Nguyễn Thị H và ông Bùi C có vay tại Ngân hàng A, chi nhánh Phú Yên theo hợp đồng tín dụng số HDTD 60020191519 với số tiền là

100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Mục đích vay: tiêu dùng; phương thức cho vay: Từng lần; thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày 27/11/2019 đến ngày 26/11/2023; lãi suất cho vay là 8,5%/năm áp dụng cố định suốt thời gian vay; kỳ hạn trả nợ gốc là vào ngày 20 hàng tháng, chia làm 48 kỳ trả nợ, từ kỳ thứ 1 đến kỳ thứ 47 mỗi kỳ trả 2.080.000 đồng; kỳ cuối trả 2.240.000 đồng. Kỳ đầu tiên tính từ ngày 20/12/2019; kỳ hạn trả lãi: vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu tính từ ngày 20/12/2019. Kể từ ngày 20/6/2022, bên vay vốn đã không thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, không trả nợ gốc và nợ lãi vay đúng hạn. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở khách hàng nhưng vẫn không đóng, tính đến ngày 20/6/2022 khoản vay của khách hàng đã chuyển nhóm nợ 3. Tổng nợ lãi và gốc tạm tính đến ngày 30/3/2023 mà bà Nguyễn Thị H và ông Bùi C còn nợ ngân hàng số tiền 44.976.536 đồng (trong đó: dư nợ gốc: 36.599.974 đồng; nợ lãi trong hạn: 7.153.149 đồng; lãi quá hạn: 1.223.413 đồng). Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bị đơn thực hiện việc trả tiền gốc, lãi theo thoả thuận nhưng bị đơn không có phản hồi và không thực hiện việc trả tiền theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Bùi C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 30/03/2023 bà Nguyễn Thị H và ông Bùi C còn nợ ngân hàng số tiền 44.976.536 đồng và tiếp tục tính lãi, lãi phạt theo nội dụng hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi tất toán khoản vay. Trong thời gian chưa thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng, thì bà Nguyễn Thị H và ông Bùi C phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật cho đến khi tất toán khoản vay.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: bị đơn thừa nhận ngày 26/11/2019, vợ chồng ông bà có vay của Ngân hàng TMCP A số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số HDTD 60020191519 Mục đích vay: tiêu dùng. Quá trình vay vợ chồng bị đơn vẫn trả lãi đầy đủ đến hết tháng 5/2022. Đến tháng 6/2022, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bị đơn chưa trả lãi và gốc cho Ngân hàng số tiền là nợ gốc 36.599.974 đồng còn lại và lãi suất đã thoả thuận. Bị đơn đồng ý trả nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng như Ngân hàng đã yêu cầu nhưng xin trả dần các khoản gốc và lãi là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay căn cứ hợp đồng cho vay tín dụng tiêu dùng; Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Bùi C có nơi cư trú tại khu phố Phú Hiệp 1, phường Hòa Hiệp Trung, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.2] Về sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa: Trong quá trình giải quyết, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên toà không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.3] Bị đơn ông Bùi C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Chận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị H đều thống nhất xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng vay tiêu dùng vào ngày 26/11/2019 theo hợp đồng tín dụng số HDTD 60020191519 với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), cho vay từng lần, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất cho vay là 8,5%/năm. Xét thấy, việc giao kết dân sự giữa các bên đều trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; bị đơn là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; nội dung thoả thuận không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên có hiệu lực pháp luật.

Tháng 6/2022, bị đơn không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng khi đến hạn mà các bên đã thoả thuận là vi phạm nghĩa vụ trả tiền mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng; bị đơn thừa nhận nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ và đồng ý trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi đến trả xong nợ nhưng nguyên đơn không chấp nhận. Căn cứ quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận; buộc bà Nguyễn Thị H và ông Bùi C trả số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 01/3/2023 là 44.976.536 đồng (gồm: tiền nợ gốc là 36.599.974 đồng; nợ lãi trong hạn: 7.153.149 đồng; lãi quá hạn: 1.223.413 đồng) và lãi phát sinh sau ngày 01/3/2023 theo thoả thuận đã được các bên ký kết theo hợp đồng tín dụng số HDTD 60020191519 ngày 26/11/2019 cho Ngân hàng A.

[3] Về án phí: bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Bùi C có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo Giấy chứng nhận số 27/GCN-HN.HCN được Uỷ ban nhân dân phường HHT cấp nên được miễn án phí

theo quy định tại điểm đ khoản 1 Nghị quyết 3262016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A vì có căn cứ.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Bùi C phải trả nợ vay cho Ngân hàng A số tiền vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 44.976.536 đồng *(Bốn mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng)* (gồm: tiền nợ gốc: 36.599.974 đồng; nợ lãi trong hạn: 7.153.149 đồng; lãi quá hạn: 1.223.413 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn thi hành án nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên khoản tiền nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp có sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng đã được các bên thoả thuận trong hợp đồng thì lãi suất mà bị đơn phải chịu theo sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí:

2.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Bùi C.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 979.000 đồng *(Chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0006494 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa.

3. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu AV, HS

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Duyên